

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ
PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THƯ**

Báo cáo của Hội đồng Quản trị

Báo cáo tài chính đã kiểm toán

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Hội đồng Quản trị	1 - 3
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
3. Bảng cân đối kế toán	6 - 7
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
6. Thuyết minh báo cáo tài chính	10 - 31

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THƯ

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Bảo Thư (“Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

1. Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát Công ty đến ngày lập bảng báo cáo tài chính là:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Văn Dũng	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 28/7/2015)
Ông Nguyễn Văn Hoàng	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 28/7/2015)
	Phó Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 28/7/2015)
Ông Phan Châu	Thành viên
Ông Vũ Tuấn Hưng	Thành viên (miễn nhiệm ngày 14/5/2015)
Ông Phạm Ngọc An	Thành viên (bổ nhiệm ngày 14/5/2015)
Ông Trần Trường Vũ	Thành viên
Ông Tăng Kỳ Anh	Trưởng Ban Kiểm soát (bổ nhiệm ngày 14/5/2015)
Ông Nguyễn Quang Minh	Trưởng Ban Kiểm soát (miễn nhiệm ngày 14/5/2015)
Ông Nguyễn Lê Thành Trí	Thành viên
Ông Triệu Quang Quân	Thành viên

2. Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc điều hành Công ty đến ngày lập báo cáo tài chính này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Văn Hoàng	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 28/7/2015)
Ông Phạm Ngọc An	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 28/7/2015)
	P.Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 28/7/2015)
Ông Phan Châu	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 13/5/2015)
Ông Trần Trường Vũ	P. Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quốc Anh	P. Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 21/10/2015)
Ông Trần Vũ Trung	P. Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 13/10/2015)

3. Các đơn vị trực thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
- Chi nhánh tại TP.HCM	R4 – 25 Hưng Gia 5, phường Tân Phong, quận 7, TP.HCM
- Chi nhánh Đồng Nai	Số 242 Hẻm 25, Đường Võ Thị Sáu, Khu 12, Xã Long Đức, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THỦ

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

4. Các hoạt động chính

Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt (khai thác, chế biến khoáng sản); Bốc xếp hàng hóa; Xây dựng nhà các loại; Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Bán buôn gạo; Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác; Bán buôn tổng hợp; Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Sản xuất đồ gỗ xây dựng; Khai thác gỗ; Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; Sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện; Trồng rừng và chăm sóc rừng; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (đầu tư hạ tầng khu công nghiệp, cảng biển; Nạo vét, khai thông luồng lạch); Bán buôn cao su, phân bón, hóa chất (trừ bán buôn thuốc BVTV); Bán buôn đá quý, đá bán quý, đá mỹ nghệ; Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống; Bán buôn máy tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Cho thuê xe có động cơ; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy; Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ (XD công trình đường bộ); Xây dựng công trình công ích (XD công trình thủy lợi); Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (bán buôn VLXD, vật liệu làm gốm sứ); Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (Đại lý vận tải biển); Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan; Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác (cho thuê MMTB xây dựng); Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Bán buôn MMTB và phụ tùng máy khác (bán buôn MMTB và phụ tùng máy xe cơ giới; bán buôn thiết bị tàu thuyền); Đóng tàu và cấu kiện nổi (đóng tàu, sửa chữa tàu thuyền); Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác; Bán buôn thực phẩm (bán buôn thủy sản); Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép; Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác (sản xuất cát, đá); Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự); Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ.

5. Kết quả của năm tài chính

Tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31/12/2015 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày được trình bày từ trang 05 đến trang 31.

6. Tài sản lưu động

Vào ngày lập báo cáo này, Hội đồng Quản trị Công ty nhận thấy rằng không có bất cứ trường hợp nào có thể làm cho sai lệch các giá trị về tài sản lưu động được nêu trong báo cáo tài chính.

7. Các khoản nợ bất ngờ

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất cứ một khoản nợ bất ngờ nào phát sinh đối với tài sản của Công ty từ khi kết thúc năm tài chính.

8. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học TP.HCM (AISC) được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

9. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty đối với các báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2015, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau đây:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính; và
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THỦ BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng họ đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015. Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

10. Phê duyệt của Hội đồng Quản trị

Công ty cam kết không có bất kỳ các thỏa thuận ràng buộc nào khác với bất kỳ các đối tác nào của Công ty ngoài các bên và số liệu đã được thể hiện trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

Hội đồng Quản trị Công ty phê duyệt bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cùng với bảng thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình hoạt động của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

Vào ngày lập báo cáo này có đủ những chứng cứ hợp lý để tin rằng Công ty có khả năng chi trả các khoản nợ khi đáo hạn.

Thay mặt Hội đồng Quản trị



NGUYỄN VĂN DŨNG

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ngày 22 tháng 3 năm 2016



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN & DỊCH VỤ TIN HỌC TP.HCM
Auditing & Informatic Services Company Limited

Office: 389A Điện Biên Phủ, Phường 4, Quận 3, TP.Hồ Chí Minh
Tel: (84.8) 3832 8964 (10 Lines) **Fax:** (84.8) 3834 2957
Email: info@aisc.com.vn **Website:** www.aisc.com.vn



Số: 07.15.327/AISC-DN1

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THƯ

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Bảo Thư, được lập ngày 22 tháng 3 năm 2016, từ trang 06 đến trang 31, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Bảo Thư tại ngày 31/12/2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Không phủ nhận ý kiến chấp nhận toàn phần nêu trên, chúng tôi chỉ muốn lưu ý người đọc báo cáo về việc số dư đầu kỳ (01/01/2015) của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Bảo Thư đã được điều chỉnh hồi tố số dư đầu kỳ như đã được trình bày tại mục 5.VIII - trang 29 và 30 - phần Thuyết minh báo cáo tài chính.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 3 năm 2016

Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học TP.HCM (AISC)

TỔNG GIÁM ĐỐC



PHẠM VĂN VINH

Số GCNĐKHNKT số: 0112-2013-05-01

Bộ tài chính Việt Nam cấp

KIỂM TOÁN VIÊN

A blue ink handwritten signature of Trần Hải Sơn.

TRẦN HẢI SƠN

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2172-2013-05-01

Bộ tài chính Việt Nam cấp

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THỦ

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. Tài sản ngắn hạn	100		178.113.092.693	206.522.083.872
<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	110		9.837.279.245	1.014.646.642
1. Tiền	111	V.01	9.837.279.245	1.014.646.642
<i>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	120		-	-
<i>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	130		152.934.476.721	196.908.822.983
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	31.110.620.043	97.445.024.000
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03a	14.907.622.282	90.463.471.060
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	2.000.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04a	105.929.250.935	3.380.435.580
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.06	(463.829.000)	-
6. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	V.05	1.450.812.461	3.619.892.343
<i>IV. Hàng tồn kho</i>	140	V.07	340.379.833	3.545.443.238
1. Hàng tồn kho	141		340.379.833	3.545.443.238
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>	150		15.000.956.893	5.053.171.009
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.12a	12.333.334	7.851.364
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		10.618.623.559	5.045.319.645
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14b	4.370.000.000	-
B. Tài sản dài hạn	200		547.009.405.807	215.801.817.790
<i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>	210		10.377.844.655	3.193.734.740
1. Trả trước cho người bán dài hạn	212	V.03b	13.310.653.310	3.026.714.740
2. Phải thu dài hạn khác	216	V.04b	182.661.000	167.020.000
3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	V.06	(3.115.469.655)	-
<i>II. Tài sản cố định</i>	220		1.459.159.704	66.297.999.692
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	1.459.159.704	1.935.544.325
- Nguyên giá	222		2.457.917.672	3.024.011.671
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(998.757.968)	(1.088.467.346)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.09	-	64.362.455.367
- Nguyên giá	228		-	64.362.455.367
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
<i>III. Bất động sản đầu tư</i>	230		-	-
<i>IV. Tài sản dở dang dài hạn</i>	240		229.961.198.827	146.310.083.358
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	229.961.198.827	146.310.083.358
<i>V. Đầu tư tài chính dài hạn</i>	250	V.11	296.899.651.794	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		298.025.405.653	-
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(1.125.753.859)	-
<i>VI. Tài sản dài hạn khác</i>	260		8.311.550.827	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12b	8.311.550.827	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		725.122.498.500	422.323.901.662

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THỦ

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. Nợ phải trả	300		129.148.312.717	52.114.602.737
I. Nợ ngắn hạn	310		122.037.130.638	43.683.470.658
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	17.798.269.718	1.572.822.176
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		8.273.178.800	384.127.600
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14a	23.740.853.096	25.069.823.595
4. Phải trả người lao động	314		658.902.580	757.217.892
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	56.275.541.983	-
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	13.636.472.461	8.407.863.395
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17a	1.653.912.000	7.491.616.000
II. Nợ dài hạn	330		7.111.182.079	8.431.132.079
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17b	7.111.182.079	8.431.132.079
D. Vốn chủ sở hữu	400	V.18	595.974.185.784	370.209.298.925
I. Vốn chủ sở hữu	410		595.974.185.784	370.209.298.925
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		576.800.000.000	328.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		576.800.000.000	328.000.000.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		19.174.185.784	42.209.298.925
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		9.409.298.925	16.522.124.143
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		9.764.886.859	25.687.174.782
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		725.122.498.500	422.323.901.662

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính

nguyệt

Nguyễn Đình Việt
Người lập biểu

Thanh Sơn

Trần Thanh Sơn
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Hoàng
Tổng Giám đốc
Ngày 22 tháng 3 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THỦ

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1		116.710.960.815	116.308.215.604
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		20.077.265.319	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.01	96.633.695.496	116.308.215.604
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	48.410.033.568	69.824.878.902
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		48.223.661.928	46.483.336.702
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	135.722.481	1.789.175.648
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	2.270.511.790	947.123.175
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.144.757.931	947.123.175
8. Chi phí bán hàng	25	VI.05	1.186.476.000	938.823.000
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.06	13.721.468.349	6.615.701.398
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		31.180.928.269	39.770.864.777
11. Thu nhập khác	31		29.938.902	277.090.979
12. Chi phí khác	32	VI.07	16.340.840.941	5.527.517.972
13. Lợi nhuận khác / (lỗ)	40		(16.310.902.039)	(5.250.426.993)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		14.870.026.230	34.520.437.784
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.09	5.105.139.371	8.833.263.002
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		9.764.886.860	25.687.174.782

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính

ngdu

Nguyễn Đình Việt

Người lập biểu

Thanh Sơn

Trần Thanh Sơn

Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Hoàng

Tổng Giám đốc

Ngày 22 tháng 3 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THỦ

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2015	Năm 2014
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	14.870.026.230	34.520.437.784
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	664.288.110	370.150.712
Các khoản dự phòng	03	4.705.052.514	-
(Lãi) lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(1.428.306)	-
(Lãi) lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(134.294.175)	(1.659.043.082)
Chi phí lãi vay	06	1.144.757.931	947.123.175
Các khoản điều chỉnh khác	07		
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	21.248.402.304	34.178.668.589
(Tăng) giảm các khoản phải thu	09	21.281.152.524	(92.844.214.005)
(Tăng) giảm hàng tồn kho	10	3.205.063.405	(3.218.111.000)
Tăng (giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	90.856.437.314	9.345.183.295
(Tăng) giảm chi phí trả trước	12	(8.316.032.797)	234.818.118
Tiền lãi vay đã trả	14	(1.397.194.446)	(947.123.175)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(11.774.928.306)	(11.000.000.000)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	-	(170.020.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	115.102.899.997	(64.420.798.178)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(43.608.201.525)	(68.910.229.372)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	270.000.000
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(33.500.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	2.000.000.000	31.500.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(273.650.134.350)	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	101.254.000
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	134.294.175	1.789.175.648
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(315.124.041.700)	(68.749.799.724)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	216.000.000.000	100.000.000.000
Tiền thu từ đi vay	33	2.363.407.648	26.712.903.079
Tiền trả nợ gốc vay	34	(9.521.061.648)	(16.790.155.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	208.842.346.000	109.922.748.079
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	8.821.204.297	(23.247.849.823)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	1.014.646.642	24.262.496.465
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	1.428.306	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	9.837.279.245	1.014.646.642

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính



Nguyễn Đình Việt
Người lập biểu



Trần Thanh Sơn
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Hoàng
Tổng Giám đốc
Ngày 22 tháng 3 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THU

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính được đính kèm.

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển Công nghiệp Bảo Thu ("Công ty") hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với mã số 3400555146 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Thuận cấp lần đầu ngày 29/5/2008 và đăng ký thay đổi đến lần thứ 17 ngày 02/10/2015.

Cổ phiếu của Công ty đã được chính thức giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã cổ phiếu là BII kể từ ngày 29 tháng 8 năm 2014 theo Quyết định về việc chấp thuận niêm yết cổ phiếu số 467/QĐ-SGDHN ngày 29/8/2014 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Hình thức sở hữu vốn: Vốn cổ phần.

Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty là 576.800.000.000 đồng.

Công ty có tên giao dịch quốc tế là: Bao Thu Industrial Development and Investment Joint Stock Company. Tên viết tắt: BIDICO.

Trụ sở chính đặt tại: Khu phố 11, phường Bình Tân, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam.

Chi nhánh tại TP.HCM và Chi nhánh Đồng Nai.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Khai thác - sản xuất - thương mại - dịch vụ - xây dựng.

3. Ngành nghề kinh doanh

Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt (khai thác, chế biến khoáng sản); Bốc xếp hàng hóa; Xây dựng nhà các loại; Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Bán buôn gạo; Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác; Bán buôn tổng hợp; Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Sản xuất đồ gỗ xây dựng; Khai thác gỗ; Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; Sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện; Trồng rừng và chăm sóc rừng; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (đầu tư hạ tầng khu công nghiệp, cảng biển; Nạo vét, khai thông luồng lạch); Bán buôn cao su, phân bón, hóa chất (trừ bán buôn thuốc BVTV); Bán buôn đá quý, đá bán quý, đá mỹ nghệ; Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống; Bán buôn máy tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Cho thuê xe có động cơ; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy; Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ (XD công trình đường bộ); Xây dựng công trình công ích (XD công trình thủy lợi); Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (bán buôn VLXD, vật liệu làm gốm sứ); Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (Đại lý vận tải biển); Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan; Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác (cho thuê MMTB xây dựng);

Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Bán buôn MMTB và phụ tùng máy khác (bán buôn MMTB và phụ tùng máy xe cơ giới; bán buôn thiết bị tàu thuyền); Đóng tàu và cấu kiện nổi (đóng tàu, sửa chữa tàu thuyền); Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác; Bán buôn thực phẩm (bán buôn thủy sản); Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép; Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác (sản xuất cát, đá); Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự); Cưa, xẻ, bào gỗ và bào quản gỗ.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

- Đối với hoạt động xây dựng và cho thuê cơ sở hạ tầng khu công nghiệp: trên 12 tháng
- Đối với hoạt động khác: trong vòng 12 tháng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THƯ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

5. Danh sách công ty con và công ty liên kết, liên doanh

Danh sách các Công ty con

Tên Công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH MTV Chế biến Cát BIDICO	CCN Thắng Hải, xã Thắng Hải, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận	Khai thác, sản xuất, thương mại, và dịch vụ	100,00%	100,00%
Công ty TNHH MTV BĐS và XD Bình Thuận	Cụm CN Thắng Hải, xã Thắng Hải, huyện Hàm Tân, Bình Thuận	Xây dựng, thương mại và dịch vụ	100,00%	100,00%
Công ty TNHH MTV Trồng trọt Công nghệ cao Đồng Nai	Số 242, hẻm 25, đường Võ Thị Sáu, khu 12, xã Long Đức, Long Thành, Đồng Nai	Khai thác, sản xuất, thương mại, và dịch vụ	100,00%	100,00%
Công ty TNHH MTV VLXD BIDICO	Cụm CN Thắng Hải, xã Thắng Hải, huyện Hàm Tân, Bình Thuận	Sản xuất, thương mại và dịch vụ	100,00%	100,00%
Công ty TNHH MTV Pigment & Nano Titan Bình Thuận	Cụm CN Thắng Hải, xã Thắng Hải, huyện Hàm Tân, Bình Thuận	Khai thác, xây dựng, thương mại và dịch vụ	100,00%	100,00%
Công ty TNHH MTV Chế biến Thủy sản Bình Thuận	Cụm CN Tân Bình, xã Tân Bình, thị xã Lagi, Bình Thuận	Khai thác, chế biến, thương mại và dịch vụ	100,00%	100,00%
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Gỗ Bình Thuận	Thôn Bàu Diên (Cụm CN Thắng Hải), xã Thắng Hải, huyện Hàm Tân, Bình Thuận	Sản xuất, thương mại và dịch vụ	100,00%	100,00%
Công ty TNHH Đầu tư Bảo Thư Gò Dầu	Số 50, đường số 02, KP Hưng Gia 5, phường Tân Phong, Quận 7, TP.HCM	Xây dựng, dịch vụ	80,00%	80,00%
Công ty TNHH Nông sản Việt Xanh	Số 50, đường số 02, KP Hưng Gia 5, phường Tân Phong, Quận 7, TP.HCM	Sản xuất, dịch vụ	52,00%	52,00%
Công ty TNHH Vận tải Thắng Hải	Cụm CN Thắng Hải, xã Thắng Hải, huyện Hàm Tân, Bình Thuận	Dịch vụ	52,00%	52,00%
Công ty TNHH Kỹ thuật và Xây dựng WIBAWA Bảo Thư	A4-02 khu Nam Thiên 1, đường Phạm Thái Bường, phường Tân Phong, quận 7, TP.HCM	Xây dựng, khai thác, dịch vụ	52,00%	52,00%

Danh sách các Công ty liên kết

Công ty TNHH Titan Bình Thuận	Cụm CN Thắng Hải, xã Thắng Hải, huyện Hàm Tân, Bình Thuận	Khai thác, sản xuất, thương mại, và dịch vụ	28,00%	28,00%
-------------------------------	---	---	--------	--------

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán năm: bắt đầu từ ngày 01/01 kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THƯ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

1. Chế độ kế toán áp dụng

Trong năm tài chính 2015, Công ty áp dụng theo Hệ thống Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 thay thế cho Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 và Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Các Báo cáo tài chính đính kèm được trình bày theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới ba tháng, và các loại không được sử dụng như hàng tồn kho, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu.

Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán;

Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Các khoản phải thu có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là tài sản ngắn hạn.

Các khoản phải thu có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính và sau khi đã lập dự phòng cho hàng hư hỏng, lỗi thời và chậm luân chuyển.

- Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: bình quân gia quyền.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho: được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị có thể xảy ra đối với vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THỦ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

4. Nguyên tắc ghi nhận và các khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản. Tỷ lệ khấu hao áp dụng theo tỷ lệ quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài Chính.

Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 10 năm
Máy móc thiết bị	05 - 08 năm
Phương tiện vận tải	05 - 08 năm
Dụng cụ quản lý	03 năm
Quyền sử dụng đất	Theo thời hạn thuê

5. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư vào Công ty con

Các khoản đầu tư vào các Công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty con sau ngày Công ty mẹ nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty mẹ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào các Công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các Công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các Công ty liên kết sau ngày đầu tư được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính được lập cho từng loại chứng khoán khi giá thị trường thấp hơn giá trị sổ sách

- Đối với chứng khoán niêm yết: giá chứng khoán thực tế trên thị trường được tính theo giá thực tế trên các Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng; Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.

- Đối với các chứng khoán chưa niêm yết: giá chứng khoán thực tế trên thị trường được xác định như sau:

+ Đối với các công ty đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường được xác định là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày lập dự phòng.

+ Đối với các công ty chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường được xác định là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba (03) công ty chứng khoán tại thời điểm lập dự phòng.

- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ 6 trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất.

Trường hợp không thể xác định được giá trị thị trường của chứng khoán, thì khoản đầu tư không được trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán.

Đối với khoản đầu tư tài chính dài hạn: dự phòng được trích lập khi công ty nhận đầu tư đang bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

6. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước để phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động SXKD của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí SXKD của các kỳ kế toán sau.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ

Chi phí liên quan đến mỏ cát trắng Tân Phước chờ phân bổ

7. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hoá dịch vụ;

- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hoá dịch vụ.

Các khoản phải trả có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là nợ ngắn hạn

Các khoản phải trả có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là nợ dài hạn

8. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc không bao gồm các chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến khoản vay. Công ty trình bày chi tiết các khoản vay và nợ thuê tài chính theo kỳ hạn phải trả, các khoản vay và nợ có thời gian trả nợ dưới 12 tháng kể từ thời điểm lập báo cáo tài chính được trình bày vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, trường hợp ngược lại thì trình bày vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

9. Lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp

Tiền lương được tính toán và trích lập đưa vào chi phí trong kỳ dựa theo hợp đồng lao động. Theo đó, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cũng được trích lập với tỷ lệ là 26%, 4,5% và 2% tương ứng tiền lương của người lao động. Tỷ lệ 22% sẽ được đưa vào chi phí bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp trong kỳ; và 10,5% sẽ được trích từ lương của người lao động.

10. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

Chi phí đi vay được hạch toán vào chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm phát sinh, trừ các khoản chi phí lãi vay được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể được vốn hóa vào nguyên giá tài sản khi đáp ứng đủ các điều kiện vốn hóa. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được tạm ngưng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã thanh toán hoặc nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp ban đầu của chủ sở hữu.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THƯ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế được chia cho các cổ đông sau khi được các cổ đông thông qua tại Đại hội Cổ đông Thường niên và sau khi trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty và các quy định pháp luật Việt Nam.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cho thuê cơ sở hạ tầng khu công nghiệp được ghi nhận một lần khi đồng thời thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Bên đi thuê không có quyền hủy ngang hợp đồng thuê và Công ty cho thuê không có nghĩa vụ phải trả lại số tiền đã nhận trước trong mọi trường hợp và dưới mọi hình thức;
- Số tiền nhận trước từ việc cho thuê không nhỏ hơn 90% tổng số tiền cho thuê dự kiến thu được theo hợp đồng trong suốt thời hạn cho thuê và bên đi thuê phải thanh toán toàn bộ số tiền thuê trong vòng 12 tháng kể từ thời điểm khởi đầu thuê tài sản;
- Hầu như toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuê đã chuyển giao cho bên đi thuê;
- Công ty cho thuê phải ước tính được tương đối đầy đủ giá vốn của hoạt động cho thuê.

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia của công ty được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận trên cơ sở: Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ; Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Thu nhập khác: bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu.

14. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ.

15. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến chi phí đi vay vốn, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

16. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng

Phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán hàng hoá và cung cấp dịch vụ bao gồm các chi phí vận chuyển, chi phí khấu hao tài sản,...

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THỦ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Chi phí quản lý doanh nghiệp

Phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác.

17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 22% trên thu nhập chịu thuế. Thu nhập chịu thuế được tính dựa trên kết quả hoạt động trong năm và điều chỉnh cho các khoản chi phí không được khấu trừ và các khoản lỗ do các năm trước mang sang, nếu có.

Ngoài thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp các khoản thuế khác theo các quy định về thuế hiện hành.

Khoản thuế phải nộp thể hiện trên sổ sách kế toán là số liệu do Công ty ước tính. Số thuế phải nộp cụ thể sẽ được ghi nhận theo kiểm tra quyết toán thuế của cơ quan thuế.

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày lập Bảng cân đối kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập Bảng cân đối kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

18. Bên liên quan

Một bên được xem là có liên quan đến Công ty nếu có khả năng kiểm soát Công ty hay có ảnh hưởng đáng kể tới các hoạt động cũng như tài chính của Công ty. Các giao dịch chủ yếu giữa Công ty và các bên liên quan, nếu có, sẽ được trình bày trong các báo cáo tài chính.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

1. Tiền	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	166.421	971.935.003
Tiền gửi ngân hàng	(*) 9.837.112.824	42.711.639
Cộng	9.837.279.245	1.014.646.642

(*) Trong đó, bao gồm khoản tiền gửi ngân hàng có gốc ngoại tệ là 455,34 USD tương đương 10.226.937 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THỦ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

2. Phải thu của khách hàng ngắn hạn	Số cuối năm	Số đầu năm
- Công ty TNHH MTV CN KS Bình Thuận BTC	-	75.000.000.000
- Công ty TNHH Năng lượng Xanh KSA	-	21.981.195.000
- Công ty CP Công nghiệp Khoáng sản Bình Thuận	28.614.120.000	-
- Công ty TNHH MTV Chế biến Cát Bình Thuận (bên liên quan)	1.683.656.713	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	812.843.330	463.829.000
Cộng	31.110.620.043	97.445.024.000

3. Trả trước cho người bán	Số cuối năm	Số đầu năm
a) Ngắn hạn		
- Công ty TNHH MTV Cát Tường	9.947.616.840	120.000.000
- Công ty TNHH DV VT XD Á Châu	3.905.512.042	4.458.040.250
- Công ty TNHH SX SX TM Hoàng Thông	-	1.263.192.000
- Công ty TNHH Chế biến Zircon Bình Thuận	-	10.000.000.000
- Trả trước nhà cung cấp khác	1.054.493.400	74.622.238.810
Cộng	14.907.622.282	90.463.471.060

b) Dài hạn		
- Trung tâm Quy hoạch và Đầu tư Tài nguyên Nước	1.265.000.000	1.265.000.000
- Công ty TNHH Chế biến Zircon Bình Thuận	10.000.000.000	-
- Công ty TNHH SX SX TM Hoàng Thông	1.263.192.000	-
- Trả trước nhà cung cấp khác	782.461.310	1.761.714.740
Cộng	13.310.653.310	3.026.714.740

4. Phải thu khác	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn				
- Phải thu Công ty TNHH Năng lượng Xanh KSA liên quan đến khoản trả trước do không tiếp tục thực hiện hợp đồng	15.704.000.000	-	-	-
- Khoản ứng vốn đến Ông Phan Châu liên quan đến tiền mua đất mỏ cát Tân Hà	648.150.000	-	-	-
- Các khoản cho mượn tiền đến các tổ chức	2.060.801.033	-	736.633.360	-
- Các khoản cho mượn tiền và chi hộ cho các bên liên quan	2.217.192.225	-	-	-
- Các khoản cho mượn tiền đến các Cá nhân	209.000.000	-	-	-
- Ký quỹ, đặt cọc ngắn hạn	53.600.000	-	158.711.000	-
- Các khoản tạm ứng	85.012.287.777	-	1.414.587.132	-
- Phải thu khác	24.219.900	-	1.070.504.088	-
Cộng	105.929.250.935	-	3.380.435.580	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THỦ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

b) Dài hạn	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
- Ký quỹ, đặt cọc dài hạn	182.661.000	-	167.020.000	-
Cộng	182.661.000	-	167.020.000	-

5. Tài sản thiếu chờ xử lý	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tài sản thiếu chờ xử lý liên quan đến khu cảng Lagi chưa được tập hợp đầy đủ hóa đơn, chứng từ (Thuyết minh tại mục V.10.2)	1.450.812.461	3.619.892.343

6. Nợ xấu	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Đối tượng nợ	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Đối tượng nợ
- Các khoản phải thu quá hạn thanh toán trên 3 năm	463.829.000		TT Quy hoạch và ĐT Tài nguyên nước	463.829.000		TT quy hoạch và ĐT Tài nguyên nước
- Các khoản trả trước người bán quá hạn từ 1- 2 năm	390.367.310		Các đối tượng khác			
	1.263.192.000		Công ty TNHH SX XD TM Hoàng Thông	1.263.192.000		Công ty TNHH SX XD TM Hoàng Thông
- Các khoản trả trước người bán quá hạn trên 3 năm	1.265.000.000		TT Quy hoạch và ĐT Tài nguyên nước			
	392.094.000		Các đối tượng khác	380.817.740		Các đối tượng khác
Cộng	3.774.482.310	-		2.107.838.740	-	

Chi tiết dự phòng phải thu:

Số dư đầu năm	-
Tăng (do trích lập dự phòng)	(3.579.298.655)
Giảm (do xóa nợ)	-
Số dư cuối năm	(3.579.298.655)

7. Hàng tồn kho	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Thành phẩm	103.373.923	-	-	-
- Hàng hóa	237.005.910	-	3.545.443.238	-
Cộng	340.379.833	-	3.545.443.238	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THƯ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

8. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa, Vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Cộng
Số dư đầu năm	967.944.944	562.150.000	1.448.575.818	45.340.909	3.024.011.671
Mua trong năm	1.619.893.447	2.229.000.000	797.445.455	-	4.646.338.902
Giảm do góp vốn	1.679.393.447	2.791.150.000	681.818.181	45.340.909	5.197.702.537
Giảm khác	-	-	14.730.364	-	14.730.364
Số dư cuối năm	908.444.944	-	1.549.472.728	-	2.457.917.672
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	700.495.866	272.883.091	112.569.450	2.518.939	1.088.467.346
Khấu hao trong năm	139.471.181	217.783.719	295.697.980	11.335.229	664.288.110
Giảm do góp vốn	96.749.736	490.666.810	151.515.155	13.854.168	752.785.870
Giảm khác	-	-	1.211.618	-	1.211.618
Số dư cuối năm	743.217.311	-	255.540.657	-	998.757.968
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	267.449.078	289.266.909	1.336.006.368	42.821.970	1.935.544.325
Tại ngày cuối năm	165.227.633	-	1.293.932.071	-	1.459.159.704

Tài sản cố định tăng trong năm do mua sắm mới và xây dựng cơ bản hoàn thành; Giảm do góp vốn và điều chỉnh nguyên giá tài sản.

Tại ngày 31/12/2015, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 1.260.705.177 đồng (nguyên giá là 1.549.472.728 đồng) được thế chấp tại các ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty.

Tại ngày 31/12/2015, tài sản cố định đã hết khấu hao vẫn còn sử dụng có nguyên giá là 466.200.000 đồng.

9. Tài sản cố định vô hình	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối năm
Nguyên giá	64.362.455.367	-	64.362.455.367	-
Giá trị hao mòn lũy kế	-	-	-	-
Giá trị còn lại	64.362.455.367			-

Tài sản cố định vô hình giảm trong năm do phân loại sang chi phí xây dựng cơ bản dở dang (khu chuyển tải Lagi - Bình Thuận).

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	Số cuối năm	Số đầu năm
Mô Cát trắng	-	7.119.723.400
Mô Cát xây dựng Tân Hà	-	5.335.196.377
Nhà máy Cát	(10.1)	13.442.643.022
Cụm công nghiệp Thăng Hải I	64.171.892.648	101.998.458.619
Cụm công nghiệp Thăng Hải II	95.652.877.965	16.302.508.901
Cụm công nghiệp Tân Bình	3.631.535.154	1.921.679.700
Xưởng chế biến Đá Thạch Anh	-	189.873.339
Khu chuyển tải Lagi - Bình Thuận	(10.2)	66.284.893.060
Dự án Sông Dinh	220.000.000	-
Cộng	229.961.198.827	146.310.083.358

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THƯ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(10.1) Bao gồm:

- Chi phí dự án đầu năm	13.442.643.022
- Chi phí phát sinh trong năm	10.336.605.061
- Giảm do góp vốn vào Công ty TNHH MTV Chế biến Cát Bình Thuận	(23.779.248.083)
- Số dư cuối năm	-

(10.2) Bao gồm:

	Giá trị ban đầu	Giá trị đã chuyển nhượng	Tài sản thiếu chờ xử lý	Khấu hao đến 31/12/2015	Giá trị còn lại đến 31/12/2015
Quyền sử dụng đất	9.571.758.800	(7.513.659.992)	-	(297.045.189)	1.761.053.619
Vật kiến trúc trên đất, bao gồm:					
- Tài sản khu dịch vụ đất Cảng Lagi	32.033.148.574				32.033.148.574
- Tài sản khác:					
+ Liên quan đến Cảng Lagi	32.440.287.867				32.440.287.867
+ Tài sản chờ xử lý	1.450.812.461		(1.450.812.461)		-
- Chi phí xây dựng	50.403.000				50.403.000
Cộng	75.546.410.702	(7.513.659.992)	(1.450.812.461)	(297.045.189)	66.284.893.060

11. Đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư vào công ty con	(*) 298.025.405.653	-
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(*) (1.125.753.859)	-
Cộng	296.899.651.794	-

(*) Bao gồm:

	Tỷ lệ	Vốn phải góp	Vốn thực góp tại 31/12/2015	Dự phòng tại ngày 31/12/2015
- Công ty TNHH MTV Chế biến Cát Bình Thuận	100%	25.000.000.000	99.293.940.403	-
- Công ty TNHH MTV BĐS và XD Bình Thuận	100%	68.000.000.000	81.000.000.000	(164.233.188)
- Công ty TNHH MTV VLXD BIDICO	100%	25.000.000.000	47.392.919.000	(651.357.762)
- Công ty TNHH MTV Công nghiệp Gỗ Bình Thuận	100%	20.000.000.000	36.029.614.400	(177.208.791)
- Công ty TNHH Đầu tư Bảo Thư Gò Dầu	80%	160.000.000.000	30.048.931.850	(15.251.384)
- Công ty TNHH Nông sản Việt Xanh	52%	10.400.000.000	100.000.000	(52.056.529)
- Công ty TNHH Vận tải Thăng Hải	52%	4.160.000.000	4.160.000.000	(65.646.205)
Cộng			298.025.405.653	(1.125.753.859)

12. Chi phí trả trước

a) Ngắn hạn

- Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	12.333.334	7.851.364
-------------------------------	------------	-----------

b) Dài hạn

- Chi phí liên quan đến mỏ cát trắng Tân Phước chờ phân bổ	7.000.060.927	-
- Chi phí quyền khai thác khoáng sản cát tận thu tại CCN Thăng Hải 2	1.311.489.900	-
Cộng	8.311.550.827	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THỦ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
13. Phải trả người bán ngắn hạn				
- Công ty TNHH MTV Chế biến Cát Bình Thuận (bên liên quan)	15.178.684.590	15.178.684.590	-	-
- Phải trả cho các đối tượng khác	2.619.585.128	2.619.585.128	1.572.822.176	1.572.822.176
Cộng	17.798.269.718	17.798.269.718	1.572.822.176	1.572.822.176

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

a) Phải nộp	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
- Thuế GTGT	4.385.944.131	9.548.988.276	6.495.776.896	7.439.155.511
- Thuế TNDN	14.663.880.843	5.105.139.371	11.774.928.306	7.994.091.908
- Thuế TNCN	14.707.495	73.813.876	10.996.726	77.524.645
- Tiền thuê đất	174.754.890	386.274.590	-	561.029.480
- Thuế tài nguyên và phí bảo vệ môi trường	777.150.830	1.073.250.000	13.500.000	1.836.900.830
- Thuế khác	-	5.000.000	5.000.000	-
- Các khoản phạt và chậm nộp thuế	5.053.385.406	1.289.969.036	511.203.720	5.832.150.722
Cộng	25.069.823.595	17.482.435.149	18.811.405.648	23.740.853.096
b) Phải thu				
- Ứng tiền làm cơ sở hạ tầng	-	-	3.370.000.000	(3.370.000.000)
- Ứng tiền thi công hệ thống đèn chiếu sáng và hệ thống thoát nước ngoài hàng rào KCN Thăng Hải	-	-	1.000.000.000	(1.000.000.000)
Cộng	-	-	4.370.000.000	(4.370.000.000)

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Chi phí thi công CSHT tại KCN Thăng Hải I liên quan đến phần diện tích đã chuyển nhượng	13.213.829.846	-
- Chi phí thi công CSHT tại KCN Thăng Hải II liên quan đến phần diện tích đã chuyển nhượng	23.779.248.760	-
- Tiền thuê đất CCN Thăng Hải I và II phải trả	19.167.940.077	-
- Chi phí lãi vay phải trả	4.715.600	-
- Chi phí dịch vụ phải trả khác	109.807.700	-
Cộng	56.275.541.983	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THƯ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

16. Phải trả ngắn hạn khác	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
- Khoản tiền mượn từ Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải Xây dựng Á Châu	-	200.000.000
- Phải trả Bà Nguyễn Thị Mai liên quan đến khoản tiền mượn	2.287.923.537	-
- Phải trả Công ty CP SX XNK Ánh Lửa Việt	100.000.000	-
- Thuế GTGT phải nộp bổ sung liên quan đến phần diện tích đất đã cho thuê tại KCN Thăng Hải I	1.293.041.952	1.403.929.681
- Thuế GTGT phải nộp bổ sung liên quan đến phần diện tích đất đã cho thuê tại KCN Thăng Hải II	6.803.933.715	6.803.933.715
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.151.573.258	-
Cộng	13.636.472.461	8.407.863.395

17. Vay và nợ thuê tài chính

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn						
- NH Liên doanh Việt Thái	5.500.000.000	5.500.000.000	-	5.500.000.000	-	-
- NH TMCP Phát triển TP.HCM	1.991.616.000	1.991.616.000	1.329.594.648	3.321.210.648	-	-
- Vay dài hạn đến hạn trả	-	-			1.653.912.000	1.653.912.000
Cộng	7.491.616.000	7.491.616.000	1.329.594.648	8.821.210.648	1.653.912.000	1.653.912.000
	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
b) Vay dài hạn						
- NH TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (1)	433.280.000	433.280.000	-	130.080.000	303.200.000	303.200.000
- NH TMCP Phát triển TP.HCM (2)	7.997.852.079	7.997.852.079	483.813.000	477.771.000	8.003.894.079	8.003.894.079
- NH TMCP XNK Việt Nam (3)	-	-	550.000.000	92.000.000	458.000.000	458.000.000
- Vay dài hạn đến hạn trả (*)	-	-			(1.653.912.000)	(1.653.912.000)
Cộng	8.431.132.079	8.431.132.079	1.033.813.000	699.851.000	7.111.182.079	7.111.182.079

(1) Khoản vay Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh HCM theo hợp đồng tín dụng số SME/HCM/14/0134/HĐTD ngày 07/4/2014 với số tiền vay là 520 triệu đồng; thời hạn vay 48 tháng, đến 07/4/2018. Mục đích vay: Thanh toán tiền mua xe ô tô Ford Everest. Lãi suất vay tại ngày 31/12/2015: 12,5%/năm; sau đó sẽ được điều chỉnh bằng lãi suất bán vốn cộng biên độ 5%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay. Nợ gốc được hoàn trả thành 48 kỳ bắt đầu từ ngày 07/5/2014. Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2015 là 303.200.000 đồng. Trong đó, khoản nợ vay dài hạn đến hạn trả là 130.080.000 đồng (*).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THỦ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(2) Khoản vay Ngân hàng TMCP Phát triển TP.HCM - chi nhánh Sài Gòn theo hợp đồng tín dụng trung - dài hạn số 487/2014/HĐTDTDH-DN ngày 15/7/2014 và các khế ước nhận nợ với số tiền vay là 18 tỷ đồng; thời hạn vay: 84 tháng theo từng khế ước nhận nợ; thời hạn trả nợ gốc là 72 tháng; lãi suất vay tại ngày 31/12/2015: 12,5%/năm. Mục đích vay: đầu tư nhà máy chế biến cát Bình Thuận và bổ sung vốn lưu động được quy định cụ thể trong từng khế ước nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng các tài sản thế chấp: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại phường Bình Tân, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận; Tài sản gắn liền với đất toàn bộ giá trị xây dựng của nhà máy chế biến cát, máy móc thiết bị, dây chuyền chế biến cát; quyền khai thác cát tại Mỏ cát trắng; Quyền tài sản phát sinh từ quyền sử dụng 488.337 m2 đất tại KCN Thăng Hải, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận; Quyền đòi nợ từ các hợp đồng cho thuê đất của Công ty; quyền sử dụng 44.587 m2 đất tại phường Bình Tân, thị xã Lagi, tỉnh Bình Thuận. Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2015 là 8.003.894.079 đồng. Trong đó, khoản nợ vay dài hạn đến hạn trả là 1.413.432.000 đồng (*).

(3) Khoản vay Ngân hàng TMCP XNK Việt Nam - Chi nhánh HCM theo hợp đồng tín dụng 2000-LAV-201500479 ngày 02/02/2015 với số tiền vay là 550 triệu đồng; thời hạn vay 60 tháng; Lãi suất vay tại ngày 31/12/2015 là 9%/năm; Mục đích vay đầu tư mua xe ô tô Ford Everest. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay. Số dư nợ vay đến 31/12/2015 là 458.000.000 đồng. Trong đó, khoản nợ vay dài hạn đến hạn trả là 110.400.000 đồng (*).

18. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	01/01/2014	Số phát sinh tăng	Số phát sinh giảm	31/12/2014
Vốn góp của chủ sở hữu	228.000.000.000	100.000.000.000	-	328.000.000.000
LNST chưa phân phối	16.522.124.143	25.687.174.782	-	42.209.298.925
Cộng	16.522.124.143	125.687.174.782	-	370.209.298.925

	01/01/2015	Số phát sinh tăng	Số phát sinh giảm	31/12/2015
Vốn góp của chủ sở hữu	328.000.000.000	248.800.000.000	-	576.800.000.000
LNST chưa phân phối	42.209.298.925	9.764.886.860	32.800.000.000	19.174.185.784
Cộng	370.209.298.925	258.564.886.860	32.800.000.000	595.974.185.784

Vốn góp của chủ sở hữu đã tăng trong năm do:

	Theo mệnh giá	Theo giá bán thực tế
- Phát hành 3.280.000 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với giá bán 10.000 đồng/cp từ lợi nhuận sau thuế	32.800.000.000	32.800.000.000
- Phát hành 21.600.000 cổ phiếu với giá bán 10.000 đồng/cp, thu bằng tiền gửi ngân hàng	216.000.000.000	216.000.000.000
Cộng	248.800.000.000	248.800.000.000

Vốn góp của chủ sở hữu tăng trong kỳ theo nội dung của Giấy chứng nhận đăng ký phát hành và chào bán cổ phiếu ra công chúng số 47/GCN-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 17/7/2015.

Lợi nhuận chưa phân phối giảm trong năm là do phát hành 3.280.000 cổ phiếu bổ sung vốn điều lệ cho cổ đông hiện hữu.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THỦ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

b) Cổ phiếu	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	57.680.000	32.800.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	57.680.000	32.800.000
+ Cổ phiếu phổ thông	57.680.000	32.800.000
+ Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	57.680.000	32.800.000
+ Cổ phiếu phổ thông	57.680.000	32.800.000
+ Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành :	10.000 đồng/cp	10.000 đồng/cp

19. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán

Ngoại tệ các loại:	Số cuối năm	Số đầu năm
- USD	455.34	224.10
Nợ khó đòi đã xử lý	1.434.533.208	-

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu bán hàng hoá	53.059.610.040	259.884.000
- Doanh thu hoạt động cho thuê đất	63.651.350.775	116.048.331.604
Cộng doanh thu	116.710.960.815	116.308.215.604
- Các khoản giảm trừ doanh thu		
- Hàng bán bị trả lại (thanh lý hợp đồng cho thuê đất)	(20.077.265.319)	-
Cộng	96.633.695.496	116.308.215.604
 2. Giá vốn hàng bán	 Năm nay	 Năm trước
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	37.585.268.346	129.939.000
- Giá vốn hoạt động cho thuê đất	22.871.124.414	69.694.939.902
- Giá vốn hàng bán trả lại	(12.046.359.192)	-
Cộng	48.410.033.568	69.824.878.902
 3. Doanh thu hoạt động tài chính	 Năm nay	 Năm trước
- Lãi tiền gửi ngân hàng	14.294.175	4.175.648
- Lãi cho vay	120.000.000	1.785.000.000
- Lãi chênh lệch tỷ giá	1.428.306	-
Cộng	135.722.481	1.789.175.648

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THỦ**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

4. Chi phí tài chính	Năm nay	Năm trước
- Chi phí lãi vay	1.144.757.931	947.123.175
- Dự phòng giảm giá đầu tư vào các công ty Con	1.125.753.859	-
Cộng	2.270.511.790	947.123.175
5. Chi phí bán hàng	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nhân viên	-	933.113.000
- Chi phí khấu hao TSCĐ	18.750.000	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài (Chi phí vận chuyển)	1.167.726.000	-
- Chi phí khác bằng tiền	-	5.710.000
Cộng	1.186.476.000	938.823.000
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nhân viên quản lý	2.758.684.966	2.472.739.469
- Chi phí vật liệu quản lý, dụng cụ văn phòng	94.013.610	307.746.636
- Chi phí khấu hao TSCĐ	509.496.445	293.649.461
- Thuế, phí và lệ phí	22.180.237	76.931.283
- Chi phí dự phòng	3.579.298.655	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.158.185.208	2.621.392.253
- Chi phí khác bằng tiền	1.599.609.228	843.242.296
Cộng	13.721.468.349	6.615.701.398
7. Chi phí khác	Năm nay	Năm trước
- Giá trị còn lại của tài sản thanh lý	-	393.041.587
- Tiền thuê đất Cảng Lagi từ năm 2009 đến 31/12/2015	275.827.675	-
- Giảm doanh thu cho thuê cơ sở hạ tầng năm 2013	3.092.578.876	-
- Chi phí phạt chậm nộp thuế, phạt vi phạm hành chính	1.295.745.616	5.053.385.406
- Giảm thuế GTGT đầu vào được khấu trừ	46.770.105	-
- Xử lý công nợ tồn đọng, không có khả năng thu hồi	1.434.533.208	-
- Chi phí vận chuyển liên quan đến cát xây dựng đã bán trong năm 2012	5.213.894.400	-
- Chi phí mỏ cát Tân Hà không còn thực hiện	4.687.046.377	-
- Chi phí phát sinh tại xưởng chế biến Đá Thạch Anh	189.873.339	-
- Chi phí khác	104.571.345	81.090.979
Cộng	16.340.840.941	5.527.517.972

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THỦ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

8. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ dụng cụ	94.013.610	307.746.636
- Chi phí nhân công	2.758.684.966	3.405.852.469
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	664.288.110	293.649.461
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.325.911.208	2.621.392.253
- Chi phí khác bằng tiền	1.621.789.465	925.883.579
Cộng	11.464.687.359	7.554.524.398
9. Chi phí thuế TNDN hiện hành	Năm nay	Năm nay
Lợi nhuận kế toán trước thuế	14.870.026.230	34.520.437.784
Các khoản chi phí không được trừ	8.335.152.727	5.630.757.680
Thu nhập tính thuế ước tính	23.205.178.957	40.151.195.464
Thuế suất	22%	22%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	5.105.139.371	8.833.263.002

VII. Những thông tin khác

1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Công ty không có bất kỳ sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán đòi hỏi phải thực hiện những điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

2. Thông tin về các bên liên quan

Trong năm tài chính này, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan chủ yếu sau:

Bên liên quan	Mối liên kết	Nội dung	Số tiền
Công ty TNHH MTV Chế biến Cát Bidico	Công ty con	Nhận cung cấp dịch vụ	(2.816.076.900)
		Mua hàng hóa	(20.220.000.000)
		Bán hàng hóa	3.889.597.012
Ban Tổng Giám đốc		Thu nhập	689.800.000

Cho đến ngày lập bảng cân đối kế toán, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan chủ yếu như sau:

Bên liên quan	Mối liên kết	Số dư	Phải thu / (phải trả)
Công ty TNHH MTV BĐS và XD Bình Thuận	Công ty con	Phải thu khác	208.145.771
		Phải thu	1.683.656.713
Công ty TNHH MTV Chế biến Cát Bidico	Công ty con	Phải thu khác	1.432.977.836
		Phải trả	(15.178.684.590)
Công ty TNHH MTV VLXD Bidico	Công ty con	Phải thu khác	501.323.318
Công ty TNHH Công nghiệp Gỗ Bình Thuận	Công ty con	Phải thu khác	51.234.300
Bà Nguyễn Thị Mai	Nhà đầu tư	Phải trả khác	(2.287.923.537)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THỦ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

3. Thông tin so sánh

Số liệu đầu kỳ tại ngày 01/01/2015 đã được trình bày theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

4. Quản lý rủi ro tài chính

4.1 Rủi ro thị trường

a. Rủi ro giá

Công ty có các hoạt động đầu tư vốn vào các công ty chưa niêm yết và chịu rủi ro biến động giá của các khoản đầu tư này. Các yếu tố rủi ro ảnh hưởng đến kết quả của các khoản đầu tư này bao gồm kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của công ty được đầu tư và điều kiện thị trường. Ban Điều hành quản lý rủi ro liên quan đến yếu tố kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của các công ty được đầu tư bằng cách chọn lựa các ngành nghề kinh doanh và các công ty để đầu tư. Yếu tố rủi ro liên quan đến điều kiện thị trường tự bản thân nó bị ảnh hưởng bởi các điều kiện kinh tế chung của Việt Nam và các hành vi của các nhà đầu tư, nằm ngoài khả năng kiểm soát của Ban Điều hành. Những yếu tố này đã dẫn đến các điều kiện thị trường biến động nhiều trong những năm vừa qua.

b. Rủi ro tiền tệ

Trong năm tài chính này, Công ty không chịu bất kỳ một rủi ro tiền tệ nào liên quan đến tỷ giá quy đổi do không có hoạt động kinh doanh nào thể hiện bằng đồng ngoại tệ.

c. Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản cho vay, các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Với biến động lãi suất là tăng/(giảm) 2% thì:

Tài sản có lãi suất	31/12/2015	Biến động lãi suất 2% (*)
- Tiền gửi Ngân hàng có kỳ hạn	-	-
- Cho vay	-	-
Cộng	-	-
Nợ phải trả có lãi suất		
- Các khoản vay	8.765.094.079	175.301.882
Cộng	8.765.094.079	175.301.882
Chênh lệch		(175.301.882)

(*) Biến động lãi suất 2% = tổng số dư Tài sản có lãi suất - tổng số dư Nợ phải trả có lãi suất nhân với 2%.

Ảnh hưởng lãi/(lỗ) đến lợi nhuận trước thuế của Công ty do biến động lãi suất (với giả định mức biến động là 2%) là (175.301.882) đồng.

4.2 Rủi ro thanh toán

Rủi ro thanh toán là rủi ro Công ty sẽ gặp khó khăn và không thể thực hiện các nghĩa vụ liên quan đến các khoản nợ tài chính. Chính sách của Công ty là thường xuyên giám sát các yêu cầu thanh khoản hiện tại và tương lai nhằm đảm bảo Công ty có thể duy trì dự trữ tiền mặt đầy đủ để có thể đáp ứng các yêu cầu thanh khoản trong ngắn hạn và trung hạn. Việc nắm giữ tiền mặt của Công ty và dòng lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động được cho là đầy đủ để có thể thanh toán các khoản nợ đến hạn trong năm tài chính tới của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THỦ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bảng dưới đây phân tích các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các dòng tiền theo hợp đồng không chiết khấu.

Tại ngày 31/12/2015	Dưới 01 năm	Từ 01 đến 05 năm	Cộng
- Các khoản vay và nợ	1.653.912.000	7.111.182.079	8.765.094.079
- Phải trả người bán	17.798.269.718	-	17.798.269.718
- Các khoản phải trả khác và chi phí phải trả	58.663.465.520	-	58.663.465.520
Cộng	78.115.647.238	7.111.182.079	85.226.829.317

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là tương đối. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

Tài sản đảm bảo

Công ty đã thế chấp tài sản cố định hữu hình và các quyền sử dụng đất cho các khoản vay dài hạn (thuyết minh tại mục số 8 và 17 - phần V - Thuyết minh các Báo cáo Tài chính).

Đo lường theo giá trị hợp lý

Giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn, tiền gửi Ngân hàng và các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác là giá trị của chúng.

Dưới đây là chi tiết giá trị hợp lý của các khoản đầu tư dài hạn tại ngày 31/12/2015:

	Giá trị sổ sách	So sánh với giá thị trường		Giá trị hợp lý	Dự phòng
		Tăng	Giảm		
Chứng khoán vốn chưa niêm yết	298.025.405.653	-	(1.125.753.859)	296.899.651.794	(1.125.753.859)
Cộng	298.025.405.653	-	(1.125.753.859)	296.899.651.794	(1.125.753.859)

4.3 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro Công ty bị thiệt hại về tài chính nếu một khách hàng hoặc một đối tác của công cụ tài chính không thể thực hiện các nghĩa vụ theo hợp đồng của họ, và rủi ro này phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng.

Phải thu khách hàng và phải thu khác

Mức độ rủi ro tín dụng của Công ty bị ảnh hưởng chủ yếu bởi các đặc điểm riêng biệt của từng khách hàng.

Ban Điều hành đã thiết lập các chính sách tín dụng, theo đó, mỗi một khách hàng mới phải được phân tích kỹ về mức độ tín nhiệm trước khi Công ty đưa ra các điều kiện và điều khoản giao hàng và thanh toán. Hạn mức mua hàng được thiết lập cho từng khách hàng, thể hiện khoản tiền cao nhất mà khách hàng có thể mua mà không cần phải có sự chấp thuận của Ban Điều hành. Khách hàng nào không được thông qua xếp hạng tín nhiệm chỉ có thể giao dịch với Công ty với điều kiện trả tiền trước.

Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với các phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại lớn cụ thể đối với từng khách hàng và mức độ thiệt hại tổng thể của nhóm tài sản tài chính tương tự, được xác định khi các rủi ro này có thể đã xảy ra nhưng chưa được phát hiện. Mức độ thiệt hại tổng thể được xác định dựa trên dữ liệu thống kê về thanh toán trong quá khứ của các tài sản tài chính tương tự.

Số dư ngân hàng

Công ty có số dư tiền gửi với các tổ chức tín dụng trong nước. Ban Điều hành không nhận thấy một khoản thiệt hại nào đối với kết quả hoạt động của các tổ chức tín dụng này.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THỦ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với mỗi nhóm tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của nhóm công cụ tài chính đó được trình bày trên bảng cân đối kế toán. Các nhóm tài sản tài chính lớn của Công ty là tiền gửi Ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư.

Các tài sản tài chính không quá hạn cũng không bị suy giảm giá trị

Tiền gửi Ngân hàng là các khoản tiền gửi ở các Ngân hàng có xếp hạng tín nhiệm cao ở Việt Nam. Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác mà không quá hạn cũng không bị giảm giá chủ yếu là từ các công ty có quá trình thanh toán tốt cho Công ty.

Các khoản phải thu khách hàng, trả trước người bán và phải thu khác của Công ty không quá hạn và không bị suy giảm giá trị là 161.666.325.260 đồng Việt Nam.

Tài sản tài chính quá hạn và / hoặc suy giảm giá trị

Giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng, trả trước người bán và phải thu khác được xác định là có suy giảm giá trị và sự tăng giảm của dự phòng giảm giá trị liên quan như sau:

Giá trị ghi sổ	31/12/2015
Tổng gộp	3.774.482.310
Trừ dự phòng giảm giá trị	(3.579.298.655)
Giá trị thuần của khoản phải thu này	195.183.655
Dự phòng giảm giá trị	
Số dư đầu năm	-
Tăng (do trích lập dự phòng)	(3.579.298.655)
Hoàn nhập	-
Số dư cuối năm	(3.579.298.655)

5. Số dư đầu kỳ

Theo chuẩn mực kế toán Việt Nam hiện hành, ảnh hưởng của việc điều chỉnh hồi tố số dư đầu năm liên quan đến việc tính lại doanh thu và giá vốn cho thuê cơ sở hạ tầng cụm công nghiệp, tích lũy các khoản phạt vi phạm hành chính và phạt chậm nộp thuế cũng như điều chỉnh các khoản truy thu thuế theo biên bản thanh tra của cơ quan Thuế cần phải được điều chỉnh và công bố trên Báo cáo tài chính. Số dư trên Bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được trình bày lại như sau (Số dư tại ngày 31/12/2014 được trình bày lại theo quy định của Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính):

Một số chỉ tiêu trên BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Số dư 31/12/2014 được trình bày lại theo TT 200	Số dư tại ngày 01/01/2015 sau điều chỉnh	Chênh lệch
A. TÀI SẢN			
(a) Thuế GTGT được khấu trừ	7.627.480.114	5.045.319.645	(2.582.160.469)
(b) Tài sản thiếu chờ xử lý	-	3.619.892.343	3.619.892.343
(b) Tài sản cố định vô hình	67.982.347.710	64.362.455.367	(3.619.892.343)
(c) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	141.021.522.416	146.310.083.358	5.288.560.942
Cộng ảnh hưởng đến TÀI SẢN	216.631.350.240	219.337.750.713	2.706.400.473
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	419.617.501.189	422.323.901.662	2.706.400.473

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THỦ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Một số chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán	Số dư 31/12/2014 được trình bày lại theo TT 200	Số dư tại ngày 01/01/2015 sau điều chỉnh	Chênh lệch
B. NGUỒN VỐN			
(d) Thuế & các khoản phải nộp nhà nước	17.311.840.233	25.069.823.595	7.757.983.362
(e) Các khoản phải trả ngắn hạn khác	200.000.000	8.407.863.395	8.207.863.395
(f) Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	55.468.745.209	42.209.298.925	(13.259.446.284)
Cộng ảnh hưởng đến NGUỒN VỐN	72.980.585.442	75.686.985.915	2.706.400.473
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	419.617.501.189	422.323.901.662	2.706.400.473
Các khoản mục trên KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
	Năm 2014 đã kiểm toán	Năm 2014 sau điều chỉnh	Chênh lệch
(g) - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	124.516.079.000	116.308.215.604	(8.207.863.396)
(c) - Giá vốn hàng bán	75.113.439.844	69.824.878.902	(5.288.560.942)
- Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	49.402.639.156	46.483.336.702	(2.919.302.454)
- Chi phí quản lý doanh nghiệp	6.440.946.508	6.615.701.398	174.754.890
(h) - Chi phí khác	474.132.566	5.527.517.972	5.053.385.406
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	42.667.880.534	34.520.437.784	(8.147.442.750)
(i) - Chi phí thuế TNDN hiện hành	9.455.707.882	8.833.263.002	(622.444.880)
- Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	33.212.172.652	25.687.174.782	(7.524.997.870)

(a): Điều chỉnh giảm thuế GTGT được khấu trừ theo biên bản kiểm tra thuế năm 2011 là 2.441.861.550 đồng và điều chỉnh do hạch toán sai là 140.298.919 đồng.

(b): Điều chỉnh những khoản chi phí chưa tập hợp đầy đủ hóa đơn, chứng từ liên quan đến khu cảng Lagi tại thửa đất số 1, Tờ bản đồ số 2, phường Bình Tân, thị xã Lagi, tỉnh Bình Thuận.

(c): Điều chỉnh giảm giá vốn năm 2014 liên quan đến hoạt động cho thuê cơ sở hạ tầng khu công nghiệp.

(d): Điều chỉnh tăng thuế GTGT đầu ra phải nộp, thuế TNDN,... và các khoản phạt vi phạm hành chính, lãi chậm nộp theo các biên bản kiểm tra thuế từ năm 2011 đến 2014.

(e): Điều chỉnh tăng thuế GTGT đầu ra phải nộp đối với hoạt động cho thuê cơ sở hạ tầng.

(f): Ảnh hưởng từ các điều chỉnh trên.

(g): Điều chỉnh tăng thuế GTGT đầu ra phải nộp tương ứng với điều chỉnh giảm doanh thu cho thuê cơ sở hạ tầng do tính thiếu thuế GTGT đầu ra phải nộp theo biên bản kiểm tra thuế năm 2014.

(h): Điều chỉnh các khoản phạt vi phạm hành chính, lãi chậm nộp thuế.

(i): Điều chỉnh thuế TNDN phải nộp năm 2014 theo biên bản kiểm tra thuế năm 2014.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THỦ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

6. Các cam kết

Công ty cam kết thực hiện các thủ tục pháp lý cần thiết để chuyển quyền sử dụng đất tại khu chuyển tải Lagi đến Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản Bình Thuận liên quan đến 35.000 m² đất đã chuyển nhượng trong năm 2010.



Nguyễn Đình Việt
Người lập biểu



Trần Thanh Sơn
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Hoàng
Tổng Giám đốc

Ngày 22 tháng 3 năm 2016

